

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có tư cách pháp nhân, trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan có chức năng theo quy định của pháp luật.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng trên phạm vi diện tích được giao theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai có nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng.

c) Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của pháp luật.

d) Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng.

đ) Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

e) Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt;

h) Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ.

i) Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan có thẩm quyền giao theo đúng quy định pháp luật.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai có quyền hạn sau đây:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định của pháp luật.

b) Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

c) Sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao rừng, cho thuê rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất trồng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và đất đai.

d) Được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng.

đ) Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng; được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

e) Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng.

g) Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với chủ rừng phát triển rừng sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai.

h) Hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

i) Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật.

k) Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là khu bảo vệ cảnh quan, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

l) Được cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

m) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế.

n) Được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

o) Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, người làm việc và tài chính theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban quản lý gồm: Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai;

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt sẽ uỷ quyền cho 01 (một) Phó Giám đốc điều hành mọi hoạt động của đơn vị;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, cho từ chức, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai thực hiện theo quy định pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai có 13 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương gồm: 02 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 11 Trạm Bảo vệ rừng (*danh sách cụ thể theo Phụ lục đính kèm*).

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách đối với

các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ; Trạm trưởng và Phó Trạm trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý.

4. Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; trạm bảo vệ rừng trực thuộc.

Điều 4. Số lượng người làm việc

1. Số lượng người làm việc của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm và được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, khối lượng công việc của từng vị trí việc làm, định mức kinh tế - kỹ thuật và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, khối lượng công việc được giao và phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp tổ chức thẩm định và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định để làm cơ sở xác định số lượng người làm việc phù hợp với loại hình đơn vị sự nghiệp tự đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5. Cơ chế tài chính

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định hiện hành có liên quan. Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai xây dựng Phương án tự chủ tài chính, danh mục dịch vụ sự nghiệp công, đơn giá dịch vụ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai có trách nhiệm quản lý, sử dụng các nguồn tài chính hiệu quả, bảo đảm tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan về tổ chức, hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai; xin ý kiến về những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quyết định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Lai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 7;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- KBNN khu vực XV;
- PVPNN;
- Lưu: VT, N5, C7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

Phụ lục
CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ TRẠM BẢO VỆ RỪNG
TRỰC THUỘC BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

1. Phòng Hành chính – Tổng hợp;
2. Phòng Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

II. TRẠM BẢO VỆ RỪNG

1. Trạm bảo vệ rừng số 1, trụ sở đặt tại xã An Lão;
2. Trạm bảo vệ rừng số 2, trụ sở đặt tại xã Hòa Hội;
3. Trạm bảo vệ rừng số 3, trụ sở đặt tại xã Tây Sơn;
4. Trạm bảo vệ rừng số 4, trụ sở đặt tại xã Đak Pơ;
5. Trạm bảo vệ rừng số 5, trụ sở đặt tại xã Mang Yang;
6. Trạm bảo vệ rừng số 6, trụ sở đặt tại xã Ia Phí;
7. Trạm bảo vệ rừng số 7, trụ sở đặt tại xã Ia Grai;
8. Trạm bảo vệ rừng số 8, trụ sở đặt tại xã Ia Púch;
9. Trạm bảo vệ rừng số 9, trụ sở đặt tại xã Chư Sê;
10. Trạm bảo vệ rừng số 10, trụ sở đặt tại xã Ia Tul;
11. Trạm bảo vệ rừng số 11, trụ sở đặt tại xã Uar.